| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRÀ ÔN**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy An**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông **Nguyễn Văn Đém**

2/ Bà **Chấp Thị Hà**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Phan Nguyễn Mộng Cầm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 366/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **Mai Thị Thu Tr**, sinh năm 1995. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã L, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

*2. Bị đơn:* Anh **Nguyễn Khánh T**, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp V, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 31/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị Thu Tr trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Khánh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện X, tỉnh Đồng Nai vào ngày 10/8/2019. Nhưng thực tế vợ chồng không sống chung với nhau, trong thời gian chờ đợi ngày tổ chức đám cưới thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, không còn khả năng để hàn gắn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1] Về tố tụng**:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Mai Thị Thu Tr yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Khánh T cư trú tại ấp V, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Mai Thị Thu Tr có đơn xin vắng mặt ngày 15/12/2020, bị đơn anh Nguyễn Khánh T được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

**[2] Về nội dung:**

**[2.1] Về hôn nhân:**

Chị Mai Thị Thu Tr và anh Nguyễn Khánh T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Lh, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51 vào ngày 10/8/2019 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh T là hợp pháp.

Xét giữa chị Tr và anh T tuy có đăng ký kết hôn nhưng không chung sống với nhau, trong thời gian chờ ngày tổ chức lễ cưới thì giữa chị Tr và anh T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm sống. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ để Toà án hoà giải giúp đở đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt không lý do. Chị Tr lại có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị Tr và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị Tr là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

**[2.2] Về con chung**: Chị Mai Thị Thu Tr xác định không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Mai Thị Thu Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Mai Thị Thu Tr phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân**:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Mai Thị Thu Tr. Xử cho chị Tr ly hôn với anh Nguyễn Khánh T.

**2. Về con chung:**

Chị Mai Thị Thu Tr xác định không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:**

Chị Mai Thị Thu Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm**:

Buộc chị Mai Thị Thu Tr phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị Tr đã nộp theo biên lai thu số 0016483 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Chị Tr đã nộp đủ tiền án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:**

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(Đã ký)**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tr;
- THADS huyện Tr;
- UBND xã L, huyện Xc, tỉnh Đồng Nai
(Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 10/8/2019);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Thúy An**